

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 15-12-2022
V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Xin ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/QĐ-PT ngày 04/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 329/2022/QĐ-PT ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn B, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh T, Công ty luật TNHH L thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số M Đ, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Xuân T.

(Anh T, Luật sư Tú có mặt; Chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân T xây dựng gia đình với nhau năm 2009, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 24/4/2009. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm về tính cách, lối sống, quan điểm sống nên thường xuyên xung đột và không tìm được cách để giải quyết nên khoảng cách hai bên ngày càng nhiều, anh chị đã tự sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị H yêu cầu được ly hôn.

Về con chung anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 24/7/2010 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 06/6/2013. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Ngọc Gia N và giao con là Nguyễn Xuân H cho anh T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung có: Diện tích đất 1.895m² thuộc thửa 545, tờ bản đồ 03 tại thôn B, xã G, huyện L, trên đất có một căn nhà xây cấp bốn còn lại trồng Chuối, nguồn gốc đất là của bố mẹ anh T cho vợ chồng và hiện nay anh T đang quản lý sử dụng;

Số tiền mặt 1.600.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền này là do vào năm 2017 anh chị vay vốn của Ngân hàng S, chi nhánh Lâm Đồng số tiền 350.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng diện tích đất 2.475m² thuộc thửa 187 và diện tích đất 1.620m² thuộc thửa 188, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại thôn Gan Thi, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2021 anh chị chuyển nhượng hai thửa đất này cho người khác được 2.000.000.000 đồng. Sau khi trả nợ của vợ chồng thì còn lại số tiền 1.600.000.000 đồng, số tiền này chị H giữ và gửi vào Ngân hàng S, phòng giao dịch L. Quá trình sử dụng chị H có rút 1.150.000.000 đồng để trả nợ chung của vợ chồng, hiện nay chỉ còn 450.000.000 đồng cụ thể: Trả nợ cho anh Nguyễn Văn H số tiền 250.000.000 đồng; Trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 150.000.000 đồng; Trả cho anh Nguyễn Trọng Q số tiền 200.000.000 đồng; Trả cho anh Lê Việt Đ số tiền 150.000.000 đồng; Trả cho anh Đặng Đình T số tiền 150.000.000 đồng; Trả cho Ngân hàng S số tiền 350.000.000 đồng; Trả cho Ngân hàng C Lâm Hà số tiền 20.000.000 đồng; Mua thực phẩm chức năng 24.000.000 đồng. Khi ly hôn chị H yêu cầu chia đôi tài sản là diện tích đất

1.895m² thuộc thửa 545, tờ bản đồ 03 tại thôn 3, xã G, huyện L. Tuy nhiên, đến ngày 31/3/2022 chị H đã làm đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của anh chị.

Về nợ chung: Chị H xác định có nợ ông Đinh Văn Công, bà Tạ Thị Hoa số tiền 26.000.000 đồng. Số tiền này chị H nhận trả một nửa, chị H đã trao đổi và nhận trách nhiệm trả nợ với ông Công, bà Hoa nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh chị không còn nợ ai khác nên chị H không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh Nguyễn Xuân T xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị H vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 24/4/2009. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì do cuộc sống khó khăn nên anh chị phải đi làm ăn ở Đồng Nai, thời gian này anh T phát hiện chị H có những mối quan hệ ngoài luồng, anh đã khuyên rất nhiều nhưng không được nên mâu thuẫn vợ chồng hết sức nặng nề. Cuối năm 2020 anh chị chuyển về sống lại tại thôn B, xã G với hy vọng chị H thay đổi nhưng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ảnh hưởng tâm lý của con. Sau đó chị H về nhà bố mẹ sống nên anh chị đã ly thân đến nay. Nay anh T xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên anh T đồng ý giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 24/7/2010 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 06/6/2013. Khi ly hôn anh T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con. Nếu con có nguyện vọng được ở với anh T thì anh T nuôi và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T xác định có diện tích đất 1.895m² thuộc thửa 545, tờ bản đồ 03 tại thôn B, xã G, huyện L và số tiền mặt 1.700.000.000 đồng do chị H giữ. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Khi ly hôn anh T yêu cầu chia đôi số tiền 1.700.000.000 đồng. Đối với diện tích đất 1.895m² thì chị H đã rút yêu cầu khởi kiện thì anh T đồng ý. Đến ngày 10/6/2022 anh T cũng có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh T xác định có nợ ông Đinh Văn C, bà Tạ Thị H ở thôn B, xã G số tiền 26.000.000 đồng; nợ anh Nguyễn Văn T ở thôn B, xã G số tiền 500.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ ai khác. Khi ly hôn đối với số nợ ông C, bà H thì anh chị sẽ tự giải quyết nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số nợ của anh Nguyễn Văn T thì anh T không có giấy tờ vay và anh T

không chịu đưa giấy tờ vay ra nên anh T sẽ tự giải quyết với anh T và anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 79/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 24/7/2010 cho chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 06/6/2013 cho anh Nguyễn Xuân T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H được sử dụng số tiền 729.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu đồng). Đồng thời, chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm T toán cho anh Nguyễn Xuân T số tiền 729.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu đồng).

Anh Nguyễn Xuân T được sử dụng số tiền 729.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu đồng) do chị Nguyễn Thị H thanh toán.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia tài sản là diện tích đất 1.895m² thuộc thửa 545, tờ bản đồ 03 tại thôn 3, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 08/8/2022, anh Nguyễn Xuân T kháng cáo phần con chung đối với bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cả hai con chung là Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 24/7/2010 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 06/6/2013 cho anh Nguyễn Xuân T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Luật sư của anh T trình bày: Cháu Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 24/7/2010 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 06/6/2013 hiện nay anh T là người trực

tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bên cạnh đó ông bà nội có phụ giúp nuôi dưỡng hai cháu, các cháu muốn sống cùng nhau. Đối với chị H không có công việc ổn định và không quan tâm đến con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T làm trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T yêu cầu được nuôi hai con chung thì thấy rằng:

Nguyên vọng được nuôi con là chính đáng. Cả chị H và anh T đều có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu N là con gái đang ở độ tuổi bắt đầu có sự thay đổi tâm sinh lý nên cần có sự gần gũi, quan tâm chia sẻ của người mẹ, người mẹ nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn trong việc dạy bảo, chỉ dẫn con gái các vấn đề về giới tính. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, giao con Nguyễn Ngọc Gia N cho chị Nguyễn Thị H và giao con là Nguyễn Xuân H cho anh Nguyễn Xuân T nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt đối với con chung. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Xuân T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Gia N, sinh ngày 24/7/2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Xuân H, sinh ngày 06/6/2013 cho anh Nguyễn Xuân T có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 33.460.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002593 ngày 11 tháng 10 năm 2021 và 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002863 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 12.160.000 đồng (mười hai triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 33.160.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Hôn nhân phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Xuân T đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002968 ngày 01 tháng 3 năm 2022 và biên lai thu tiền số 0003456 ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Anh Nguyễn Xuân T còn phải nộp tiếp số tiền 19.160.000 đồng (mười chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân